

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ
TRƯỜNG TIỂU HỌC PHÚ CƯỜNG



SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

“MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HỌC
TẬP PHÂN MÔN LUYỆN TỪ VÀ CÂU TIẾNG VIỆT
LỚP 4”

Tên tác giả	: Nguyễn Thị Bích Hảo
Đơn vị công tác	: Trường Tiểu học Phú Cường
Chức vụ	: Giáo viên

Năm học: 2023 – 2024

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tính cấp thiết phải tiến hành sáng kiến

Ở bậc Tiểu học, môn Tiếng Việt có một vị trí đặc biệt quan trọng. Nó là nền tảng vững chắc cho học sinh học tập tốt tất cả các môn học khác. Giúp học sinh có cơ sở tiếp thu kiến thức ở lớp trên. Một trong những mục tiêu của môn Tiếng Việt trong chương trình đổi mới giáo dục 2018 là hình thành và phát triển ở học sinh các kỹ năng sử dụng Tiếng Việt (nghe, nói, đọc, viết) để học tập và giao tiếp trong các môi trường hoạt động của lứa tuổi. Thông qua việc dạy và học Tiếng Việt, góp phần rèn luyện các thao tác tư duy cho học sinh. Trong môn Tiếng Việt, phân môn Luyện từ và câu có vị trí quan trọng trong chương trình Tiểu học. Trước hết, phân môn Luyện từ và câu có nhiệm vụ cung cấp những kiến thức sơ giản về tiếng Việt, rèn luyện kỹ năng dùng từ đặt câu (nói, viết), kỹ năng đọc cho học sinh ngoài ra còn cung cấp vốn từ và làm giàu vốn từ cho học sinh nhằm tăng cường sự hiểu biết của học sinh về nhiều lĩnh vực của cuộc sống.

Trong Tiếng Việt khái niệm ngữ pháp thường mang tính trừu tượng và khái quát cao. Việc tiếp nhận các khái niệm ngữ pháp đối với học sinh tiểu học hết sức khó khăn vì nó đòi hỏi một trình độ tư duy nhất định. Trong quá trình dạy học, tôi nhận thấy: Giáo viên đã dành rất nhiều thời gian cho nội dung dạy học này song chất lượng vẫn chưa đạt được như mong muốn. Một trong những nguyên nhân đó là do hiệu quả dạy học về phân môn luyện từ và câu chưa cao. Với hi vọng giúp các em học sinh nắm chắc hơn, ít bị lúng túng hơn khi gặp các dạng bài tập có liên quan đến luyện từ và câu, vận dụng dùng từ đặt câu và làm bài tập làm văn sinh động hơn từ đó góp phần nâng cao chất lượng dạy học của môn Tiếng Việt. Vì vậy, tôi chọn nghiên cứu đề tài : "**Một số biện pháp nâng cao chất lượng học tập phân môn Luyện từ và câu Tiếng Việt lớp 4**"

2. Mục tiêu của đề tài, sáng kiến

Với đề tài này mục đích nghiên cứu chính là tìm phương pháp cải thiện và nâng chất lượng học tập phân môn *Luyện từ và câu*. Từ đó vận dụng linh hoạt vào hướng dẫn rèn kỹ năng làm các dạng bài tập Luyện từ và câu cho học sinh một cách hiệu quả nhất.

3. Thời gian, đối tượng , phạm vi nghiên cứu

3.1 Thời gian

- Năm học 2023- 2024

3.2. Đối tượng nghiên cứu

. Đề tài xoay quanh việc nghiên cứu giảng dạy và học tập với việc tìm tòi và áp dụng thực nghiệm đưa ra một số biện pháp nâng cao chất lượng học phân môn Luyện từ và câu giúp học sinh đạt kết quả cao trong học tập.

3.3. Phạm vi nghiên cứu

- Học sinh lớp 4 A

- Các biện pháp nâng cao chất lượng học tập phân môn Luyện từ và câu-Tiếng Việt lớp 4

II. NỘI DUNG

1. Hiện trạng vấn đề

1.1. Cơ sở lý luận

Phân môn Luyện từ và câu ở lớp 4 giúp cho học sinh: Mở rộng, hệ thống hóa làm phong phú vốn từ của học sinh và trang bị cho học sinh một số hiểu biết sơ giản về từ và câu; Rèn cho học sinh các kỹ năng dùng từ đặt câu và sử dụng dấu câu. Từ đó giúp học sinh có thói quen dùng từ đúng, nói và viết thành câu và ý thức sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp phù hợp với các chuẩn mực văn hóa. Ngoài ra phân môn Luyện từ và câu còn có vai trò hướng dẫn học sinh trong việc phát triển bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, phát triển ngôn ngữ và trí tuệ của các em.

1.2. Cơ sở thực tiễn

Nội dung dạy học phân môn Luyện từ và câu trong sách Tiếng Việt lớp 4 thường được đánh giá là rất khô khan và trừu tượng; học sinh rất “ngại” khi học phần này. Nhiều học sinh gặp không ít những khó khăn và lúng túng khi xác định và vận dụng làm các bài tập về luyện từ và câu. Học sinh chưa nắm vững các khái niệm về từ, câu....nên chưa làm chủ được mạch kiến thức về luyện từ và câu; từ đó, việc xác định các biện pháp nghệ thuật trong một đoạn văn, khổ thơ hầu như các em chỉ tìm được một số biện pháp tu từ dễ nhận biết, còn một số còn lại dễ nhầm lẫn với nhau;

Mặt khác, tôi nhận thấy: Học sinh khi thực hành về các bài tập về luyện từ và câu thường ít hào hứng, không khí lớp học trầm lắng. Qua quá trình dạy học và trao đổi với đồng nghiệp, tìm hiểu qua học sinh, tôi đã tìm ra một số nguyên nhân mà giáo viên và học sinh còn hạn chế khi dạy học phần kiến thức về luyện từ và câu là:

* Về phía giáo viên: Giáo viên thường tổ chức bài dạy một cách đơn điệu, ít sử dụng đồ dùng trực quan và các hình thức tổ chức dạy học phát huy tính tích cực của học sinh để tạo ra các tiết học sinh động không gây nhàm chán cho học sinh.

* Đối với học sinh: Một số học sinh rất “sợ” khi học nội dung này nhất là những học sinh có năng lực trung bình và yếu.

Các em thường tiếp thu bài học một cách thụ động, máy móc dẫn đến vốn từ của các em rất nghèo nàn, việc dùng từ khi viết văn chưa hay ảnh hưởng chung đến chất lượng môn Tiếng Việt.

Một số học sinh chưa nhớ chính xác khái niệm về dạng bài tập luyện từ và câu. Việc phân định ranh giới các từ chưa đúng cũng là một yếu tố dẫn đến kết quả chưa đạt yêu cầu. Bên cạnh đó, các em chưa thực sự hứng thú khi học các bài tập này.

Một bộ phận học sinh bị hổng kiến thức từ lớp dưới, do kỹ năng tiếp thu bài hạn chế nên không thể hoàn thành hệ thống bài tập trên lớp

Theo kết quả khảo sát vào tuần 3 với bài : Luyện tập về danh từ

Kết quả thu được như sau:

Số	Xếp loại					
	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
43	10	23,3%	25	58,1%	8	18,6%

Sau khi kiểm tra khảo sát tôi nhận thấy trong bài làm của học sinh hoàn thành, chưa hoàn thành còn mắc nhiều lỗi về: nhận biết danh từ, phân biệt danh từ chung, danh từ riêng, sử dụng danh từ để đặt câu.... Học sinh chưa hoàn thành còn nhiều, số học sinh hoàn thành tốt chưa cao

2. Giải pháp thực hiện sáng kiến

Để giúp nâng cao chất lượng học tập phân Luyện từ và câu tôi mạnh dạn đưa ra một số biện pháp như sau:

2.1. Biện pháp 1: Giáo viên nghiên cứu kĩ nội dung , chương trình, yêu cầu cần đạt về kiến thức, kĩ năng của phân môn Luyện từ và câu

Việc nghiên cứu kĩ nội dung, chương trình, yêu cầu cần đạt để giáo viên biết mình cần truyền tải kiến thức gì cho học sinh. Phương pháp truyền tải như thế nào, cách thức tổ chức ra sao để học sinh tiếp thu kiến thức một cách hiệu quả nhất.

2.2. Biện pháp 2: Phát huy ý thức học tập của học sinh từ đó bồi dưỡng hứng thú học tập cho học sinh qua các bài học

Cũng như các phân môn khác của Tiếng Việt, một trong những nhiệm vụ của phân môn Luyện từ và câu là bồi dưỡng ý thức và thói quen sử dụng Tiếng Việt văn hóa. Để thực hiện nhiệm vụ đó giáo viên cần bồi dưỡng hứng thú học tập cho học sinh, học sinh cần có ý thức học tập đúng đắn.

Trước hết đó là cách làm cho học sinh ý thức được lợi ích của việc học để tạo động cơ học tập. Cho nên ở mỗi tiết dạy giáo viên cần hình thành và duy trì hứng thú cho học sinh. Dạy Luyện từ và câu là dạy cho các em kiến thức về từ ngữ, ngữ pháp nhưng giáo viên cần đưa ra một số thủ pháp dạy học (trò chơi, đồ vui,..) hình thức dạy học phù hợp với sở thích của các em để gây hứng thú cho học sinh trong giờ học, giảm bớt sự căng thẳng nhàm chán

Bên cạnh đó người giáo viên cần thiết lập được mối quan hệ hợp tác tích cực và tốt đẹp giữa cô và trò, giữa các trò với nhau cũng sẽ tạo hứng thú cho học sinh. Hình thức tổ chức dạy học hấp dẫn cùng với bầu không khí thân ái, hữu nghị trong giờ học cũng sẽ tạo hứng thú cho cả cô và trò. Vì vậy bên cạnh việc giáo dục tính mục đích, kỉ luật, ý thức và trách nhiệm.... cho học sinh, giáo viên còn phải là người tổ chức cuộc sống ở trường thật hấp dẫn, tạo niềm vui phấn đấu sao cho: *Mỗi ngày các em đến trường là một ngày vui.* Mỗi học sinh sẽ luôn mong muốn phải là người được hạnh phúc ngày hôm nay . Bởi vậy giáo viên phải thường xuyên tìm hiểu học sinh muốn việc học diễn ra như thế nào? Cái gì làm các em thích, cái gì làm em không thích. Để có thể tổ chức quá trình dạy học như các em mong đợi.

Trong quá trình dạy học người giáo viên cần chú trọng vào mặt thành công của trẻ, nhìn nhận các em theo cách nhìn: em nào cũng ngoan, em nào cũng giỏi, em nào cũng cố gắng... Bên cạnh đó giáo viên là người luôn nâng đỡ, khích lệ, đồng cảm chú trọng vào thành công của các em, đề cao tính sáng tạo của các em. Chỉ có đạt được thành công trong học tập mới thực sự tạo ra hứng thú và niềm say mê cho các em, niềm tự hào về thành công, cảm giác xúc động khi thành công mới là nguồn gốc thật sự của ham muốn học tập

Như vậy: Để tạo hứng thú trong học tập cho học sinh cũng là một nghệ thuật

trong quá trình dạy học của người giáo viên . Tạo hứng thú học tập cho học sinh chính là làm cho các em thấy hạnh phúc trong học tập. Từ đó mà các em nâng cao ý thức học tập

2.3. Biện pháp 3: Giáo viên hướng dẫn học sinh nắm rõ kiến thức về từ, câu, kỹ năng sử dụng từ và câu

Kiến thức tiếng Việt là cả một kho tàng phong phú. Ngay từ khi mới bập bẹ biết nói, các em đã biết dùng tiếng mẹ đẻ để giao tiếp. Thế nhưng đến lớp 4 các em mới làm quen với Khái niệm danh từ, động từ, tính từ, câu thành phần của câu, một số dấu câu, lựa chọn từ ngữ khi nói, viết.

Giáo viên cần giúp học sinh khai thác tối đa ngữ liệu được cung cấp. Khi dạy các kiến thức về từ loại, học sinh thường gặp khó khăn trong việc nhận diện, phân biệt danh từ, động từ, tính từ., câu, thành phần của câu, trạng ngữ Vì vậy, để giúp học sinh nhận ra, giáo viên cần giúp học sinh nắm chắc các khái niệm các từ loại, câu, thành phần của câu, trạng ngữ..., lưu ý học sinh phải căn cứ trên nghĩa của từ, thao tác ghép với các từ đặc biệt, trong ngữ cảnh cụ thể. Và khi sử dụng từ để nói viết cần biết lựa chọn từ ngữ phù hợp với ngữ cảnh cụ thể

Ví dụ: Khi dạy bài **Danh từ** (trang 9, tiếng Việt 4, tập 1)

Trong kiến thức về từ loại, phân danh từ học sinh rất khó khăn trong việc nhận diện danh từ chỉ khái niệm, danh từ chỉ đơn vị. Vì vậy, khi dạy phần này giáo viên cần đưa ra dấu hiệu để giúp học sinh nhận diện danh từ chỉ khái niệm là :

- Những từ chỉ sự vật có thể cảm nhận bằng trí óc như: *đạo đức, kinh nghiệm,...*

- Những từ được chuyển hoá từ động từ hoặc tính từ khi ghép với các từ "sự", "cuộc", "lòng", ... như: *lòng kiên nhẫn, sự hi sinh, ...*

- Thường là từ gốc Hán như : Truyền thống, Tổ quốc, ...

- Đối với việc giúp học sinh phân tích và nhận diện danh từ chỉ đơn vị với các tiểu loại danh từ khác, cần chỉ cho học sinh thấy rằng các từ chỉ đơn vị như: cái, con, tấm, dãy, con, ... có thể kết hợp với các từ chỉ số lượng là: một, hai, các, vài, lũy, ... trong khi đó không phải từ chỉ sự vật nào cũng có thể kết hợp được với từ chỉ số lượng.

- Các danh từ chỉ sự vật nếu không thể biểu thị một sự vật đơn thể như: *bàn, ghế, áo, người, ...* mà biểu thị các sự vật tồn tại thành tổng thể như: *nước, mưa, quần áo, ...* thì không thể kết hợp với từ chỉ số lượng.

Giáo viên có thể cung cấp cho học sinh một số danh từ chỉ loại thường gặp như:

- +Danh từ chỉ loại đi với vật thể: *cái, con, cây, quả, người, ...* (người thợ, cây bàng, con khỉ, ...) *ông, bà, ...* (ông bác sĩ, bà kĩ sư, ...)

- +Danh từ chỉ loại đi với danh từ chất thể (vài, nước, nhôm, đồng) : *cục, thanh, tấm, giọt, hạt, ...* (Ví dụ như: tấm vải, giọt nước, ...)

- +Danh từ chỉ loại đi với danh từ chỉ hiện tượng: *con, làn, trận, ...* (con mưa, trận bão, ...)

Ví dụ:

Khi dạy kiến thức sơ giản về câu: Bài **“Câu”** (trang 9, tiếng Việt 4, tập 2)

Học sinh dễ nhầm lẫn vị ngữ trong câu kể ***Ai thế nào?*** là động từ chứ không

phải là tính từ. Các em thường có xu hướng xác định mọi câu kể có *động từ* đều thuộc câu kể ***Ai làm gì?***. Các em quen với *động từ* là từ chỉ hành động bởi khái niệm "trạng thái", "tình thái" chưa được hình thành hoặc hình thành chưa rõ ràng. Vì vậy, khi dạy học, giáo viên kết hợp miêu tả bằng động tác hoặc hình vẽ với những ví dụ để học sinh hình dung sự khác nhau giữa hành động và trạng thái:

- Hành động thể hiện trực tiếp những đặc điểm vận động của chủ thể (Ví dụ : **chạy, nhảy, viết, đi, ...**)

- Trạng thái thể hiện mối liên hệ giữa vận động của sự vật, hiện tượng trong một hoàn cảnh hoặc không gian, thời gian. (Ví dụ: Mặt trời toả nắng. Bé Hoa ngủ. Hoa nở rộ trong vườn. ...)

- Giáo viên nên giới thiệu thêm một số động từ chỉ trạng thái thường dùng:

+ Từ thể hiện ý nghĩa về sự cần thiết như: ***cần, nên, phải, ...***

+ Từ chỉ khả năng như: ***có thể, không thể, ...***

+ Từ thể hiện ý chí, ý định: ***toan, định, dám, ...***

+ Từ thể hiện sự mong muốn: ***mong ước, ước mơ, ...***

+ Từ thể hiện ý nghĩ hay nhận xét: ***nghĩ, tưởng, xem, cho, ...*** (Ví dụ: Tôi cho rằng hoa hồng đẹp nhất).

***Ví dụ:** Khi dạy bài : **Trạng ngữ** (trang 49, tiếng Việt 4, tập 2)

Việc nhận diện trạng ngữ cũng là một vấn đề khó đối với các em.

Về vai trò ngữ pháp, trạng ngữ là thành phần phụ không bắt buộc phải có mặt trong câu, nhưng thêm phần trạng ngữ cho câu là để phản ánh đầy đủ tình cảm, nhận thức chủ quan của người nói.

Giáo viên cần khắc sâu cho học sinh: Cấu tạo trạng ngữ là một cụm từ có hoặc không có quan hệ từ đứng trước, trạng ngữ thường đứng ở đầu câu và được ngăn cách với hai thành phần chính của câu bằng dấu phẩy. Nhưng học sinh cần hiểu Trạng ngữ có thể đứng ở đầu câu, giữa câu hoặc cuối câu. Trạng ngữ ở đầu câu dễ gặp nhất, học sinh dễ nhận thấy còn trạng ngữ ở giữa câu và cuối câu học sinh khó nhận diện. Sách giáo khoa Tiếng Việt 4 chỉ nêu trường hợp trạng ngữ đứng ở đầu câu nhưng nếu học sinh đặt những câu có trạng ngữ ở vị trí khác, giáo viên vẫn chấp nhận và chỉ cho học sinh thấy vị trí linh hoạt của trạng ngữ.

2.4. Biện pháp 4: Vận dụng hiệu quả phương pháp dạy học trực quan để nâng cao hiệu quả tiết học Luyện từ và câu

Sử dụng đồ dùng trong dạy - học Luyện từ và câu nhằm mục đích giúp cho giờ dạy đạt hiệu quả cao hơn. Hoạt động học sinh tham gia quá trình sử dụng đồ dùng dạy học, điều chủ yếu là bồi dưỡng cho các em phương pháp suy nghĩ, diễn tả, nghiên cứu phương pháp, giải quyết vấn đề. Để phát huy hết tác dụng của đồ dùng dạy học, điều quan trọng nhất là phải xác định đúng các tình huống sư phạm, phù hợp với đặc trưng bộ môn, trong từng tiết học cụ thể. Tình huống sư phạm sẽ quy định thời điểm, phương pháp và mức độ khai thác nội dung các đồ dùng dạy học trong quá trình lên lớp. Hoạt động nhận thức của học sinh từ chưa biết đến hiểu biết, đến kĩ năng, kĩ xảo và vận dụng vào thực tiễn. Lê-Nin đã từng khẳng định con đường biện chứng của nhận thức là : “Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn. Đó là con đường biện chứng của dẫn chứng chân lý, nhận thức hiện thực khách quan”.

Sử dụng đồ dùng dạy học trực quan trong quá trình dạy học là con đường kết hợp chặt chẽ giữa cái cụ thể và cái trừu tượng, bằng hành động vật chất, bằng ngôn ngữ bên ngoài tác động vào cảm giác để chuyển thành ngôn ngữ bên trong phù hợp với đặc điểm của học sinh Tiểu học đặc biệt là học sinh lớp 4. Trên cơ sở đó, hình thành các khái niệm, định luật, luận thuyết khoa học. Giáo viên có thể sử dụng đồ dùng dạy học trực quan trong quá trình giảng dạy để cải thiện và nâng cao hứng thú học tập cho học sinh. Nhờ vào các phần mềm, ứng dụng và các nền tảng trực tuyến mà giờ học Tiếng Việt không còn giới hạn trong không gian của lớp học truyền thống. Các bài giảng trực quan, âm thanh sống động, video minh họa tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động Nói và nghe. Biện pháp này giúp cho học sinh có cơ hội trải nghiệm, tương tác với ngôn ngữ một cách tự nhiên nhất.

Con đường nhận thức của học sinh Tiểu học từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, để giúp học sinh khỏi nhàm chán và giờ học thêm sinh động, Khi dạy các kiến thức về phân môn Luyện từ và câu, tôi thường sử dụng các đồ dùng trực quan, video, hình ảnh, vật thật hoặc đưa các từ vào trong một văn cảnh cụ thể để học sinh dễ dàng xác định, giúp học sinh tiếp nhận tri thức một cách dễ dàng.

Ví dụ: Khi dạy bài “**Câu**” (trang 9, tiếng Việt 4, tập 2) (Ảnh 1, 2, 3,4)

Tôi yêu cầu học sinh đặt 3 câu kể ***Ai thế nào?***, mỗi câu tả một cây hoa mà em yêu thích, tôi cảm thấy học sinh có phần khó khăn. Do vậy, tôi nói với các em: cô cùng các em sẽ tới tham quan bồn hoa của lớp mình; lớp học sôi động hẳn lên, học sinh reo ầm lên “A! thích quá! Thích quá!”

Tôi cùng các em học sinh đến với những bồn hoa nhỏ của lớp mình .

Tôi hỏi học sinh: Em yêu thích những cây hoa nào? Em hãy đặt câu kể ***Ai thế nào?*** Để miêu tả những cây hoa đó. Tôi vừa dứt lời đã thấy rất nhiều cánh tay giơ lên , tôi gọi em Hứa Khánh Ly- một học sinh nhút nhát của lớp trả lời. Câu của em là: “*Hoa cúc nở vàng*”. Một tràng pháo tay dành cho em. Tiếp theo là một loạt các câu trả lời tương tự. Tôi khuyến khích bạn nào có câu hay hơn nào? Lại một loạt cánh tay giơ lên với những câu trả lời: “*Hoa cúc nở vàng rực*”. “*Cây hồng nhung chúm chím những nụ hoa nhỏ xinh tươi*”. Một số em lập tức đã viết được đoạn văn. Và thật bất ngờ đây là một đoạn văn của cô học trò Nguyễn Trần Thu Hà: “ *Những cây hoa trong vườn hoa của lớp em đang đua nhau khoe sắc. Những bông hoa cánh bướm vàng cam đang nghiêng mình đung đưa trước gió. Bên cạnh đó những khóm hoa dừa khiêm tốn, nhẹ nhàng nở rộ một màu tím ngát ngát, dễ chịu. Khóm cẩm tú cầu đơm những bông tròn xoe hồng phấn trông như chùm bóng bay. Cây hồng với những nụ hoa bé nhỏ phớt hồng chúm chím, tất cả tạo nên một khoảng vườn thật đẹp.*”(Bài viết của học sinh phần minh chứng). Một tràng pháo tay lại vang lên giòn giã. Cũng là lúc trống báo hiệu giờ ra chơi đã đến, các em hòa mình vào không khí ồn ào náo nhiệt cùng các bạn trên sân trường.

Sau khi áp dụng đồ dùng dạy học trực quan vào giảng dạy môn Luyện từ và câu cho các em học sinh lớp 4, tôi nhận thấy thái độ học tập của các em đã có sự thay đổi rõ rệt. Trước khi áp dụng phương pháp trực quan, việc dạy và học môn Tiếng Việt thường khá truyền thống. Các em thường chỉ là những người ngồi nghe, ít có cơ hội thực sự trải nghiệm và tương tác với bài học. Tuy nhiên, sau khi áp dụng đồ dùng dạy học trực quan, tôi nhận ra rằng môi trường học tập trở nên

sinh động và thú vị hơn nhiều. Các đồ dùng giúp minh họa rõ ràng những khái niệm, từ vựng hay cấu trúc ngữ pháp mà trước đây các em thường gặp khó khăn. Điều này không chỉ giúp tăng cường sự hiểu biết mà còn phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và tư duy phê phán.

2.5. Biện pháp 5: Kết hợp nhiều dạng bài tập Luyện từ và câu để nâng cao khả năng vận dụng kiến thức về từ, câu cho học sinh

a. Luyện tập các bài có dạng về tính từ, động từ, danh từ.

Ví dụ: Khi dạy bài “**Luyện tập về danh từ, động từ, tính từ**”(trang 133, tiếng Việt 4, tập 1)

Trong đó chương trình sách giáo khoa cũng lựa chọn những tình huống giao tiếp gắn bó với cuộc sống gần gũi của học sinh.

Giáo viên có thể cho học sinh vận dụng làm bài tập như:

Ví dụ 1: Giáo viên đưa bài tập: **Viết họ và tên 3 bạn nam, 3 bạn nữ trong lớp em. Họ và tên các bạn ấy là danh từ chung hay danh từ riêng? Vì sao?**

Với bài này tôi đã gợi ý cho học sinh: Xác định tên của bạn mình, viết, ghi rõ họ, tên. Lưu ý đó là danh từ chung hay danh từ riêng.

Cho học sinh làm việc cá nhân, nêu miệng. Phần học này học sinh thường hay mắc lỗi ở tìm danh từ chung.

Tôi yêu cầu các em nêu lại danh từ chung là gì? Dùng phép “suy luận” để học sinh áp dụng vào bài của mình.

Ví dụ 2: Gạch dưới các **động từ** trong đoạn văn sau:

Yết Kiêu đến kinh đô yết kiến vua Trần Nhân Tông:

Nhà vua: Trẫm cho nhà ngươi nhận một loại binh khí.

Yết Kiêu: Thần chỉ xin một chiếc dùi sắt.

Nhà vua: Để làm gì ?

Yết Kiêu: Để dùi những chiếc thuyền của giặc vì thần có thể lặn hàng giờ dưới nước. ...

Tôi đã cho học sinh làm việc theo nhóm. Học sinh trong nhóm thảo luận làm vào phiếu học tập – trình bày trước lớp.

b. Củng cố khắc sâu mở rộng luyện các dạng bài tập về câu.

Ví dụ: Khi dạy bài “**Câu**” (trang 9, tiếng Việt 4, tập 2)

Với dạng bài này cũng được lựa chọn với thực tiễn sinh động hàng ngày để học sinh biết đặt câu đúng, phù hợp với tình huống giao tiếp, đảm bảo lịch sự khi đặt câu.

b.1 Dạng Câu kể.

Giáo viên đưa các dạng bài tập:

- +Kể việc làm hàng ngày sau khi đi học về.
- +Tả chiếc bút em đang dùng.
- +Trình bày ý kiến của em về tình bạn....

Tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân. Kể về việc em làm...

Lưu ý học sinh: Khi viết Câu cần đảm bảo yêu cầu cả về nội dung và hình thức: Đầu câu phải viết hoa kết thúc câu phải có dấu chấm.

Học sinh viết và đọc cho học sinh trong lớp nhận xét bổ sung.

Giáo viên hướng dẫn mẫu:

- +Khi tả kết hợp với dùng từ ngữ gợi tả, biện pháp nghệ thuật
- +Khi trình bày ý kiến cần Bày tỏ ý kiến – yêu mến, gắn bó như thế nào?

b.2. Dạng Câu hỏi:

Đối với câu hỏi Khi sử dụng cần lưu ý đối với việc giữ lịch sự khi đặt câu hỏi, dạng bài tập cho phần này cũng rất cụ thể:

Ví dụ: So sánh các câu hỏi trong đoạn văn sau. Em thấy câu các bạn nhỏ hỏi cụ già có thích hợp hơn những câu hỏi khác không? Vì sao?

“Sau một cuộc dạo chơi, đám trẻ ra về. Tiếng nói cười riu rít. Bỗng các bạn dừng lại khi thấy một cụ già đang ngồi ở vệ đường. Trông cụ thật mệt mỏi, cặp mắt lộ rõ vẻ u sầu.

- Chuyện gì đã xảy ra với ông cụ thế nhỉ? Một em trai hỏi,
Đám trẻ tiếp lời bàn tán sôi nổi:

- Chắc là cụ bị ốm?
- Hay là cụ đánh mất cái gì?
- Chúng mình thử hỏi xem đi?

Các em tới chỗ ông cụ, lễ phép hỏi:

- Thưa cụ, chúng cháu có thể giúp gì cho cụ không ?

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân. Trước hết học sinh phải xác định câu nào là câu hỏi, câu nào là câu các bạn phỏng đoán với nhau: cho học sinh so sánh.

Các câu các em hỏi nhau: - Chuyện gì xảy ra với ông cụ thế nhỉ?

-Chắc là cụ bị ốm.

-Hay cụ đánh mất cái gì?

Câu hỏi các bạn nhỏ hỏi cụ già:

-Thưa cụ chúng cháu có thể giúp gì cụ không?

Học sinh còn bối ngỡ trong việc phân tích các câu hỏi, tôi đã hướng dẫn các em phải đặt trong văn cảnh cụ thể .

Hướng dẫn học sinh nhận xét về câu hỏi của các bạn nhỏ: Câu hỏi của các bạn nhỏ với cụ già là rất phù hợp vì: Nếu không biết nguyên nhân của ông cụ như thế nào mà hỏi cụ bị ốm hay cụ mất cái gì.. có thể làm tổn thương đến cụ (chẳng may ông cụ rơi vào hoàn cảnh như vậy) . Qua bài tập này cũng cố khắc sâu cho học sinh cần đặt những câu hỏi lịch sự , tránh làm phiền lòng người khác

Hoạt động Liên hệ thực tế: Cho học sinh đặt câu hỏi phù hợp khi gặp tình huống như bài tập trên ở ngoài thực tế.

Như vậy mức độ khó của bài tập không phụ thuộc vào các dạng, các loại bài tập mà phụ thuộc vào chính ngữ liệu đưa ra cho học sinh. Với các bài tập Luyện từ và câu của học sinh lớp 4, Nhiều yêu cầu trong sách giáo khoa tôi cũng cần phân tích cho nhiều đối tượng học sinh: Đối với học sinh hoàn thành nội dung bài học thì tôi thường gài thêm hoạt động nối tiếp. Với học sinh chưa hoàn thành nội dung bài tôi chọn những ngữ liệu cụ thể, rõ ràng để học sinh dễ xác nhận.

Quan tâm đến đối tượng học sinh trong giảng dạy chính là chú ý đến việc nâng cao chất lượng học sinh. Đó là việc làm quan trọng và không thể thiếu trong quá trình giảng dạy. Một điều tôi cũng rất quan tâm đó là việc trình bày của học sinh. Các em làm bài có thể tốt nhưng cách trình bày bố cục bài làm của học sinh

còn là một vấn đề cần chấn chỉnh, giáo viên cần quan tâm nhắc nhở mỗi khi học sinh viết bài

b.3. Dạng câu cầu khiến

Bài tập này có thể đưa ra dạng bài tập lựa chọn hoặc yêu cầu học sinh đưa ra lời yêu cầu đối với bạn, đối với người thân...

Ví dụ: Khi muốn mượn bạn cái bút, em có thể chọn những cách nói nào?

+Cho mượn cái bút!

+Lan ơi, cho tớ mượn cái bút!

+Lan ơi, cậu cho tớ mượn cái bút một tí nhé!

Cho học sinh trả lời cá nhân - Học sinh chọn trường hợp thứ ba, vì nó thể hiện sự lịch sự trong giao tiếp.

Giáo viên yêu cầu học sinh hoạt động tiếp nối. Trao đổi theo cặp, thực hành nói lời yêu cầu lịch sự.

b.4 Dạng câu cảm

Giáo viên đưa ra những bài tập giúp học sinh biểu lộ được cảm xúc của mình:

+ Khi em được mẹ tặng một món quà yêu thích mà em hằng mong ước bấy lâu thì em sẽ nói gì?

+Đứng trước một vườn hoa rất đẹp em sẽ nói gì?

+ Trường em có một bạn học rất giỏi mà em rất ngưỡng mộ. Khi gặp bạn em sẽ nói gì?.....

Khi được luyện tập với nhiều dạng bài tập thực hành như vậy, vốn từ của các em thêm phong phú, kỹ năng sử dụng từ đặt câu của các em tốt hơn rất nhiều

2.6. Biện pháp 6: Lồng ghép tổ chức các trò chơi học tập cho học sinh để tạo hứng thú và cải thiện chất lượng tiết học Luyện từ và câu

Vui chơi là một hoạt động không thể thiếu được của con người ở mọi lứa tuổi, đặc biệt là ở lứa tuổi tiểu học. Bởi lẽ, nó phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của lứa tuổi này. Vui chơi không những giúp cho các em được rèn luyện thể lực, rèn luyện các giác quan mà nó còn tạo cơ hội cho các em được giao lưu với nhau, được hợp tác với bạn bè, đồng đội trong nhóm, trong tổ....thông qua đó, các em sẽ dần được hoàn thiện những kỹ năng giao tiếp. Đó là kỹ năng được đặt ra hàng đầu trong mục tiêu của môn Tiếng Việt bậc Tiểu học nói chung và của môn Tiếng Việt ở lớp 4 nói riêng. Điều đó chứng tỏ: hoạt động vui chơi là hoạt động hỗ trợ cho việc học.

Là một giáo viên trực tiếp đứng lớp, tôi nhận thấy nếu kết hợp sử dụng hình thức trò chơi trong học tập môn Tiếng Việt sẽ mang lại hiệu quả cao. Bởi vì:

+Nó là một hình thức hoạt động học tập, tạo ra bầu không khí trong lớp học dễ chịu, thoải mái làm cho học sinh tiếp thu kiến thức tự giác, tích cực trong tâm trạng hồ hởi, vui tươi.

+Giúp học sinh rèn luyện, củng cố, tiếp thu kiến thức đồng thời, phát triển vốn kinh nghiệm mà các em đã được tích lũy trong cuộc sống thông qua hoạt động chơi.

+Phát triển tư duy nhanh nhạy, óc sáng tạo, xử lý nhanh các tình huống khi tham gia trò chơi.

+Phát huy năng lực cá nhân, rèn tính hòa nhập cộng đồng, nâng cao năng lực hợp tác đồng thời giáo dục ý thức tổ chức kỉ luật, có tính đồng đội khi tham gia trò chơi học tập.

Trò chơi học tập giúp các em được hình thành những kĩ năng phân biệt được bản chất trong các kiến thức tiếng Việt ở mỗi trò chơi, hiểu được sâu sắc và đầy đủ hơn các tri thức đã học.

Ví dụ: Với các trò chơi *Thi viết câu gồm các chữ giống nhau ở chữ cái đầu, Thi đặt câu theo mẫu, Thi tìm danh từ có cùng một tiếng...* các em hiểu rõ hơn về cấu tạo của từ, của câu tiếng Việt, góp phần hình thành và rèn luyện kĩ năng đặt câu, viết đoạn văn.

Ví dụ : Khi dạy bài : **Tính từ** (trang 94/ Tiếng Việt 4 , tập 1) để giúp học sinh củng cố về tính từ tôi thường tổ chức một số trò chơi để tạo hứng thú học tập cho các em:

Trò chơi: Ai -thế nào?

Luật chơi: Hai đội cùng chơi: Một bạn ở đội này gọi tên một nhân vật trong truyện đã được đọc hoặc trong phim ảnh, một bạn ở đội kia nói ngay từ chỉ đặc điểm của nhân vật đó rồi đổi lượt. Đội nào bị dừng lại hoặc nói sai sẽ bị thua cuộc.

Ví dụ : HS Thơ : Anh Kim Đồng -> HS Lan : rất gan dạ....

Từ đó giúp học sinh sử dụng tốt tính từ trong việc dùng từ đặt câu viết bài văn tả người thêm sinh động, hấp dẫn.

Trò chơi: Ai nhanh hơn?

Điền tính từ thích hợp vào chỗ chấm:

Tuyết rơi một màu
 Vườn chim chiều xế cánh cò
 Da người ốm o
 Bé khỏe đôi má non tơ
 Sợi len như bông
 Làn mây..... bông bênh trời xanh

* Chuẩn bị: Giáo viên ghi các từ chỉ màu sắc ra băng giấy: *trắng phau, trắng bệch, trắng xóa, trắng hồng, trắng nõn, trắng bạc*

Viết các câu có chỗ trống trên bảng phụ. Giáo viên gắn các từ nhưng sai ý nghĩa vào chỗ trống (Hai bảng gắn các từ khác nhau)

* Cách tiến hành: Chọn 2 đội chơi, mỗi đội 6 em, mỗi em lên sửa lại một câu. Nếu còn thời gian các em vẫn liên tiếp lên sửa lại cho đến khi hết giờ. Đội nào nhanh hơn, đúng hơn là đội thắng cuộc

*Đáp án : Tuyết rơi *trắng xóa* một màu

Vườn chim chiều xế *trắng phau* cánh cò

Da *trắng bệch* người ốm o

Bé khỏe đôi má non tơ *trắng hồng*

Sợi len *trắng nõn* như bông

Làn mây *trắng xóa* bông bênh trời xanh

Với trò chơi này Học sinh được luyện cách dùng tính từ chỉ màu trắng với các

sắc độ khác nhau có tác dụng gợi tả. Làm giàu vốn từ chỉ màu trắng thường dùng trong các đoạn văn miêu tả của các em

Ví dụ : Khi dạy bài: **Danh từ chung, danh từ riêng** (trang 18, tiếng Việt 4, tập 1)

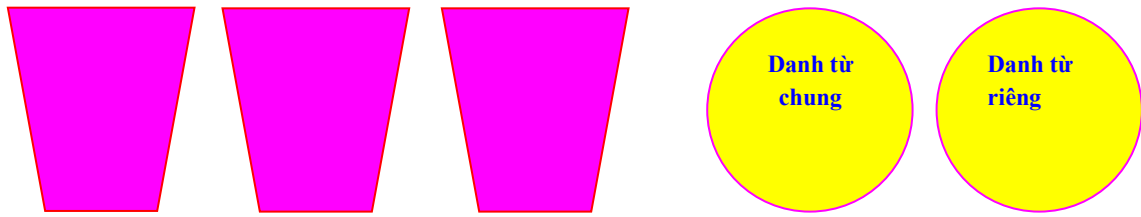
*** Trò chơi “Đếm số cánh hoa”**

Bài tập vận dụng: Thi tìm nhanh danh từ chung, danh từ riêng:

- **Mục tiêu:** Giúp học sinh: tìm được những danh từ chung, danh từ riêng. Nhằm để khắc phục lỗi nhầm lẫn danh từ chung, danh từ riêng ở học sinh.

- **Chuẩn bị:** Nhiều miếng bìa cắt theo hình cánh hoa (hình 1a). Vẽ trực tiếp lên một tờ giấy to 2 vòng tròn làm hai nhị hoa.

Trong mỗi nhị hoa ghi: Danh từ chung, danh từ riêng.(hình 1b)



Hình 1a : Cánh hoa

Hình 1b : Nhị hoa

Tiến hành: Giáo viên chia học sinh thành nhiều nhóm chơi tùy theo số bộ nhị hoa và cánh hoa chuẩn bị được. Khi trò chơi bắt đầu, các nhóm chơi có nhiệm vụ ghi từ theo yêu cầu vào các cánh hoa (mỗi cánh hoa chỉ ghi một từ) rồi dán vào nhị hoa cho phù hợp. Sau 5-7 phút, giáo viên hô: " Dừng chơi !" Nhóm nào dán được nhiều cánh hoa đúng và đẹp sẽ thắng cuộc. Trò chơi này nhằm ôn tập tổng hợp và rèn óc tư duy của học sinh.

Tóm lại, trò chơi không chỉ là phương tiện mà còn là phương pháp giáo dục. Trong tiết học Luyện từ và câu, việc áp dụng trò chơi học tập không chỉ giúp các em thoát khỏi cảm giác mệt mỏi, căng thẳng mà còn tạo ra một môi trường học tập trực quan, sinh động và thú vị. Trò chơi học tập giúp học sinh thực hành và vận dụng kiến thức một cách linh hoạt, khám phá ra những điểm mới mẻ từ bài học và thậm chí là từ chính bản thân họ. Khi học sinh được tham gia vào trò chơi, họ không chỉ đơn thuần là người tiếp nhận kiến thức, mà còn trở thành những người có thể hướng dẫn người khác, dẫn dắt, hợp tác, đồng hành cùng các bạn.

2.7. Biện pháp 7: Kèm cặp học sinh yếu

*** Về phía giáo viên:** Với đối tượng là học sinh yếu cần giúp các em xác định được mạch kiến thức trong chương trình được sắp xếp theo vòng tròn đồng tâm, tùy theo mỗi lớp mà có những yêu cầu khác nhau. Từ đó giúp học sinh yếu nắm chắc kiến thức ở lớp dưới, bổ sung những lỗ hổng về kiến thức ở lớp dưới thì đến lớp 4 các em sẽ nắm kiến thức một cách dễ dàng hơn, phát huy được những kiến thức, kỹ năng học sinh đã đạt ở lớp 1,2,3 theo hệ thống lôgic.

***Về phía gia đình :**Giáo viên cần gặp gỡ, trao đổi với phụ huynh học sinh học yếu cùng phối kết hợp để giúp đỡ kèm cặp các em. Thông qua bài tập được giao ở lớp nhưng con chưa hoàn thành, về nhà phụ huynh cần dành thời gian cho các em học tập để hoàn thành các bài tập đó. Theo tình trạng hiện nay, học sinh chỉ học trên lớp còn về nhà hầu như là không học, nhất là đối tượng học sinh yếu. Mặt

khác một số cha mẹ thường vin có bận công việc làm ăn nên coi nhẹ việc ôn bài ở nhà của con cái, không để ý đến việc con em mình học cái gì? Học như thế nào? Vì vậy nhiệm vụ học tập của học sinh không thể tách rời khỏi yếu tố gia đình, bởi đây chính là động lực cơ bản thúc đẩy các em phấn đấu cho việc học tập của mình.

** Về phía học sinh:* Giáo viên cần tranh thủ sự trao đổi thông tin, học hỏi lẫn nhau giữa học sinh với học sinh. Đôi khi qua cách nói nôm na của bạn bè lại giúp cho đối tượng học sinh yếu thấy đơn giản, dễ hiểu. Chẳng phải “ Học thầy không tày học bạn” đó sao. Giao cho học sinh khá thường xuyên giúp đỡ học sinh yếu cùng hưởng ứng thi đua “Đôi bạn cùng tiến”. Cùng nhau tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp như các giờ ra chơi, giờ chào cờ, các cuộc tọa đàm, trao đổi, sinh hoạt, hoạt động trải nghiệm,... các em sẽ thấy thích thú và tự giác tích lũy được vốn từ, vốn kiến thức cho mình.

** Về phương tiện, thiết bị :* Giáo viên cần tận dụng và sử dụng một cách triệt để các đồ dùng và trang thiết bị dạy học không chỉ trong quá trình dạy học mà còn đóng góp một phần không nhỏ trong việc giúp đỡ học sinh yếu . Với đối tượng học sinh yếu khả năng tư duy trừu tượng thấp do đó cần tăng cường hỗ trợ các em về khả năng tư duy bằng hình ảnh, bằng âm thanh,... bằng trực quan sinh động sẽ giúp các em tiếp thu bài tốt hơn, hiệu quả hơn.

2.8. Biện pháp 8: Động viên , khen thưởng

Khen ngợi là việc làm không thể thiếu trong giáo dục, đặc biệt là giáo dục tiểu học. Khi học sinh làm được việc tốt thì phải khen ngợi ngay để khích lệ, động viên. Một lời khen có hiệu quả giáo dục gấp nhiều lần so với những lời chỉ trích, chê bai. Đặc biệt với học sinh cá biệt thì lời động viên, khen ngợi như là liều thuốc tinh thần giúp các em thay đổi hành vi theo hướng tích cực. Khen ngợi kịp thời không những làm thay đổi hành vi của học sinh theo hướng tích cực mà còn là động cơ thúc đẩy quá trình học tập của các em.

Trong học tập, sự cần cù có phần bù đắp cho sự thiếu thông minh. Nếu khen ngợi, động viên kịp thời sẽ giúp học sinh ham thích và dẫn tới chăm chỉ trong học tập. Nếu phải cân nhắc giữa hai điểm số khi cho điểm học sinh thì bạn hãy chọn điểm cao hơn. Hãy chấp cho đứa trẻ đôi cánh, hãy tin ở các em, cho các em hy vọng

Tóm lại : Vận dụng linh hoạt các hình thức tổ chức dạy học sẽ làm cho lớp học sôi nổi, gây hứng thú cho học sinh sẽ giúp các em tiếp thu bài một cách tốt hơn, nắm vững nội dung bài học, Bên cạnh đó, giáo viên cần phải có dự kiến các câu trả lời của học sinh và các tình huống sư phạm có thể xảy ra trong mỗi hoạt động từ đó có biện pháp giải quyết, điều chỉnh kịp thời. Việc tổ chức các hoạt động học tập có tác dụng rất lớn đến việc giảng dạy phân môn Luyện từ và câu, giúp học sinh biết quý trọng và giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt từ đó hình thành cho các em nhân cách sống và kĩ năng sống, Do đó để có kết quả cao trong tiết dạy Luyện từ và câu giáo viên cần lập kế hoạch bài dạy chu đáo, cẩn thận chuẩn bị về mọi mặt cho tiết dạy. Việc làm này phải diễn ra trước khi thi công bài dạy trên lớp học.

3. Kết quả sau khi áp dụng sáng kiến tại đơn vị

Qua quá trình nghiên cứu, thử nghiệm và tích cực tìm tòi phương pháp tổ chức cho học sinh học tập phân môn Luyện từ và câu. Tôi thấy rằng những phương pháp mà tôi đã áp dụng đã có những kết quả đáng vui mừng phấn khởi

Kết quả như sau

Số	Xếp loại					
	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
43	23	53,5%	20	46,5%	0	

Kết quả khảo sát cho thấy chất lượng học tập phân môn Luyện từ và câu lớp 4A đã nâng lên rõ rệt. Số học sinh Hoàn thành tốt tăng cao, không còn học sinh chưa hoàn thành. Cụ thể trong bài làm của các em đã thể hiện hiểu biết và phân biệt được danh từ, động từ, tính từ một cách rõ ràng, biết sử dụng từ đặt câu có nghĩa phù hợp ngữ cảnh. Kết quả trên cho thấy cách làm như đã nêu là hiệu quả và đi đúng yêu cầu của trương, ngành đề ra. Trong quá trình nghiên cứu tôi rút ra một số kết luận sau:

-Trước hết giáo viên phải là người nắm vững chương trình, kiến thức, kỹ năng Tiếng Việt, có vốn sống phong phú.

-Thực sự yêu nghề, có tâm huyết với nghề.

Thường xuyên học hỏi, trao đổi kiến thức, nghiên cứu tài liệu, sách báo..., giao lưu học hỏi đồng nghiệp có nhiều kinh nghiệm dạy để ngày càng làm phong phú thêm vốn kiến thức, kỹ năng cho mình.

-Có phương pháp thiết kế bài học khoa học, sáng tạo, linh hoạt.

-Tạo sự giao tiếp cởi mở, thân thiện với học sinh, mẫu mực trong lời nói, việc làm, thái độ, cử chỉ...

-Giáo viên là người khơi dậy niềm đam mê, hứng thú cho học sinh với phân môn Luyện từ và câu nói riêng, môn Tiếng Việt nói chung

4. Hiệu quả của sáng kiến

4.1. Hiệu quả về khoa học

Đề tài thực hiện lấy cơ sở lý luận, pháp lý; cơ sở thực tiễn làm chỗ dựa cho việc giải quyết vấn đề đã nêu ra trong đề tài. Áp dụng đề tài giáo viên giúp học sinh hệ thống được kiến thức. Học sinh hiểu sâu bản chất của vấn đề và nắm chắc kiến thức theo một mạch kiến thức logic từ đó các em dễ dàng sử dụng và vận dụng thực hành có hiệu quả trong học tập cũng như trong cuộc sống.

4.2. Hiệu quả về kinh tế

Khi áp dụng các giải pháp của đề tài giúp cho học sinh học tốt hơn không chỉ môn Tiếng Việt, mà nó còn góp phần giúp Học sinh học tốt các môn học khác, góp phần giáo dục toàn diện cho học sinh trở thành những chủ nhân tương lai thực thụ đầy đủ đức, trí, thể, mỹ của đất nước

4.3. Hiệu quả về xã hội

Áp dụng sáng kiến vào giảng dạy giúp học sinh học tốt hơn. Rèn cho học sinh các kỹ năng dùng từ đặt câu và sử dụng dấu câu. Từ đó giúp học sinh có thói quen dùng từ đúng, nói và viết thành câu và ý thức sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp

phù hợp với các chuẩn mực văn hóa. Bồi dưỡng ý thức và thói quen sử dụng Tiếng Việt văn hóa. Góp phần giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt cũng chính là giữ gìn bản sắc văn hóa của Việt Nam

5. Tính khả thi

- Sáng kiến áp dụng có tính khả thi cao, giáo viên nào cũng có thể áp dụng được. Sau khi áp dụng trong lớp tôi thấy chất lượng học tập môn Luyện từ và câu được nâng lên rõ rệt

6. Thời gian thực hiện đề tài

Trong năm học 2023- 2024, và các năm học tiếp theo

7. Kinh phí thực hiện đề tài

- Kinh phí thực hiện đề tài không tốn kém, không cần sự đầu tư quá lớn về vật chất

III. KIẾN NGHỊ , ĐỀ XUẤT

Đề tài: “ Một số biện pháp nâng cao chất lượng học tập phân môn Luyện từ và câu Tiếng Việt lớp 4” tôi đã nghiên cứu hoàn thành và đã dạy thực nghiệm ở lớp 4A năm học 2023-2024. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện đề tài chắc chắn sẽ không tránh khỏi thiếu sót , rất mong được sự đóng góp ý kiến của các đồng chí lãnh đạo cũng như bạn bè đồng nghiệp để đề tài của tôi hoàn thiện hơn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Ngày 2 tháng 5 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN

(Kí tên ,đóng dấu)

Người viết sáng kiến

(Kí tên)

Nguyễn Thị Bích Hảo